

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2025

(Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/03/2025)



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.696.883.621.852	5.773.811.804.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.742.971.724	56.958.238.240
1. Tiền	111		8.742.971.724	6.958.238.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.365.490.790.416	2.273.490.790.416
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.365.490.790.416	2.273.490.790.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.855.612.931.439	2.988.656.591.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.804.091.127.328	2.933.275.806.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		236.250.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	75.601.380.364	79.696.611.412
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(24.315.826.253)	(24.315.826.253)
IV. Hàng tồn kho	140	9	333.858.802.862	332.599.835.856
1. Hàng tồn kho	141		333.858.802.862	332.599.835.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.178.125.411	122.106.347.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	6.115.423.804	4.749.424.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10	127.062.701.607	117.356.922.993
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.688.561.316.455	2.924.035.246.214
I. Tài sản cố định	220		1.270.589.792.081	1.441.668.582.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.248.589.219.165	1.419.617.676.690
- Nguyên giá	222		11.333.238.145.648	11.332.539.745.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.084.648.926.483)	(9.912.922.068.958)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	22.000.572.916	22.050.906.250
- Nguyên giá	228		31.602.900.921	31.602.900.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.602.328.005)	(9.551.994.671)
II. Tài sản dài hạn khác	260		417.971.524.374	1.482.366.663.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	417.971.524.374	1.482.366.663.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.385.444.938.307	8.697.847.050.278

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh		31/03/2025	01/01/2025
	Mã số			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.389.701.507.907	4.508.766.939.857
I. Nợ ngắn hạn	310		3.389.701.507.907	4.508.766.939.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.809.752.189.065	2.252.855.930.357
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	16.420.902.368	23.443.418.143
3. Phải trả người lao động	314		7.162.701.708	20.967.804.184
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	98.944.979.692	1.153.671.392.026
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	50.093.764.462	49.029.932.349
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.404.146.403.659	996.392.854.961
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.180.566.953	12.405.607.837
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.995.743.430.400	4.189.080.110.421
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3.995.743.430.400	4.189.080.110.421
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(457.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		226.065.784.162	226.065.784.162
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		891.374.856.238	1.084.711.536.259
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		854.410.713.058	1.001.817.575.869
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.964.143.180	82.893.960.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.385.444.938.307	8.697.847.050.278

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 1 năm 2025

MẪU SỐ B 02a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối Quý 1	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng	01		1.426.705.638.833	261.906.934.605	1.426.705.638.833	261.906.934.605
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	21	1.426.705.638.833	261.906.934.605	1.426.705.638.833	261.906.934.605
3. Giá vốn hàng bán	11		1.382.069.537.735	487.297.275.813	1.382.069.537.735	487.297.275.813
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		44.636.101.098	(225.390.341.208)	44.636.101.098	(225.390.341.208)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	31.341.889.615	19.368.224.678	31.341.889.615	19.368.224.678
6. Chi phí tài chính	22	24	13.668.448.112	7.890.032.199	13.668.448.112	7.890.032.199
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.383.899.506	5.127.684.624	12.383.899.506	5.127.684.624
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.686.681.015	14.730.826.781	18.686.681.015	14.730.826.781
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-26)	30		43.622.861.586	(228.642.975.510)	43.622.861.586	(228.642.975.510)
9. Thu nhập khác	31	26	367.122.194	70.619.369.115	367.122.194	70.619.369.115
10. Chi phí khác	32		416.024.398	135.276.293	416.024.398	135.276.293
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(48.902.204)	70.484.092.822	(48.902.204)	70.484.092.822
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		43.573.959.382	(158.158.882.688)	43.573.959.382	(158.158.882.688)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	6.609.816.202	-	6.609.816.202	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		36.964.143.180	(158.158.882.688)	36.964.143.180	(158.158.882.688)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	104	(549)	104	(549)

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

MẪU SỐ B 03a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
4			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.573.959.382	(158.158.882.688)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	171.774.890.858	171.727.446.867
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	(1.047.211)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.190.853.230)	(17.774.932.903)
Chi phí lãi vay	06	12.383.899.506	5.127.684.624
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	196.541.895.558	920.268.689
Thay đổi các khoản phải thu	09	119.360.079.467	413.462.711.271
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.258.967.006)	(74.159.114.747)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.510.956.323.291)	656.603.811.281
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.063.029.139.909	(1.193.796.357.869)
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.756.305.699)	(5.585.578.966)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.862.579.743)	(13.873.902.002)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.222.740.883)	(10.051.530.108)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(169.125.801.688)	(226.479.692.451)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(846.000.000)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(1.365.000.000.000)	(534.000.000.000)
3. Tiền thu hồi khoản đầu tư ngắn hạn	24	1.273.000.000.000	1.430.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.168.655.456	52.176.103.355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.831.343.586)	947.330.103.355
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.404.146.403.659	554.362.671.320
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(996.392.854.961)	(1.068.100.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(230.011.669.940)	(201.296.973.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	177.741.878.758	(715.034.301.763)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(48.215.266.516)	5.816.109.141
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	56.958.238.240	1.152.868.962
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	8.742.971.724	6.968.978.103

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm số tiền 31.785.959.158 đồng (Quý 1 năm 2024: 16.449.433.515 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 3.455.978.958 đồng (Quý 1 năm 2024: 331.146.754 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền 9.303.977.344 đồng (Quý 1 năm 2024: 9.166.559.231 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày tháng 04 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 21 tháng 09 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 614/TB-SGDHCM vào ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NT2.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 168 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 168 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý, vận hành Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 tọa lạc tại Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị tại thời điểm báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện các khoản phí bảo hiểm nhà máy, bảo hiểm con người và chi phí trả trước khác có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước; phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo; chi phí đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ; chi phí thuê đất dự án Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 13. Các khoản trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên chi phí biến đổi tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành; Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Tạm ứng cổ tức trong năm được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến của từng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	327.464.312	125.289.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.415.507.412	6.832.948.507
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Tổng cộng	8.742.971.724	56.958.238.240

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	2.365.490.790.416	2.273.490.790.416
Tổng cộng	2.365.490.790.416	2.273.490.790.416

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có số dư tại ngày 31/03/2025 thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có thời hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng mức lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,6%/năm.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/03/2025 bao gồm số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với mức lãi suất 4,2%/năm tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại với giá trị là 490.790.416 đồng đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Mua bán Điện (EPTC)	2.803.954.397.680	2.933.258.613.166
Các khoản phải thu khách hàng khác	136.729.648	17.193.421
Tổng cộng	2.804.091.127.328	2.933.275.806.587

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") tính đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2025 được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng mua bán điện 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện 07 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/Công ty Mua Bán Điện ("EPTC").

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
Siemens Energy Global	-	1.526.376.282
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	9.647.400	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	31.785.959.158	35.763.761.384
Tạm ứng cho nhân viên	211.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải thu khác	1.426.219.349	237.919.289
Tổng cộng	75.601.380.364	79.696.611.412

(*) Khoản lãi trả chậm dự thu của Công ty Mua bán Điện ("EPTC") theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và EVN/EPTC phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được Công ty trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

		31/03/2025		01/01/2025
		VND		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi				
Công ty Mua bán điện (EPTC)	80.494.444.352	56.178.618.099	80.494.444.352	56.178.618.099
Dự phòng		24.315.826.253		24.315.826.253

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm giá trị nhiên liệu dầu DO (được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện) và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng, ... phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vật tư phục vụ sản xuất điện	268.881.476.073	267.604.801.750
Dầu DO 0,05% S	64.977.326.789	64.995.034.106
Tổng cộng	333.858.802.862	332.599.835.856

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06/4/2010 giữa Công ty và Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP (“PVGas”). Trong một số tháng, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí bao tiêu trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm (“lượng khí trả trước”). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Công ty sẽ thực hiện việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng với “lượng khí trả trước” nêu trên với thuế giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ bán ra phải nộp trong thời gian tới.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHON TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2025	2.972.510.902.136	8.312.185.485.163	35.945.649.692	11.897.708.657	11.332.539.745.648
Tăng trong kỳ	-	-	-	698.400.000	698.400.000
Số dư tại ngày 31/03/2025	2.972.510.902.136	8.312.185.485.163	35.945.649.692	12.596.108.657	11.333.238.145.648
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.965.142.359.863	7.903.223.828.856	33.533.579.639	11.022.300.600	9.912.922.068.958
Khấu hao trong kỳ	37.092.374.229	134.329.681.917	169.148.139	135.653.240	171.726.857.525
Số dư tại ngày 31/03/2025	2.002.234.734.092	8.037.553.510.773	33.702.727.778	11.157.953.840	10.084.648.926.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/03/2025	970.276.168.044	274.631.974.390	2.242.921.914	1.438.154.817	1.248.589.219.165
Tại ngày 01/01/2025	1.007.368.542.273	408.961.656.307	2.412.070.053	875.408.057	1.419.617.676.690

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 74.090.469.739 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73.774.469.739 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
Số dư tại ngày 31/03/2025	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	9.551.994.671	9.551.994.671
Khấu hao trong kỳ	-	50.333.334	50.333.334
Số dư tại ngày 31/03/2025	-	9.602.328.005	9.602.328.005
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/03/2025	21.602.554.546	398.018.370	22.000.572.916
Tại ngày 01/01/2025	21.602.554.546	448.351.704	22.050.906.250

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc chung cư CC1.2 – Đơn vị ở số 1 – Khu dân cư Phước An – Long thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.396.346.375 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.396.346.375 đồng).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, bảo hiểm con người và các chi phí khác có thời hạn phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí:

- Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP ("PVGas"). Trong một số tháng, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí bao tiêu trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm ("lượng khí trả trước"). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác, việc áp dụng khấu trừ bằng khí nhận trước trong bất kỳ một năm hợp đồng nào sẽ không vượt quá 15% lượng khí tối thiểu năm của năm hợp đồng đó. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, tiền khí trả trước đã được PVGas khấu trừ hết vào nghĩa vụ bao tiêu trong năm 2025.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng cho kỳ phát sinh 33.333 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.
- Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu này

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong vòng 100.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

- (iv) Chi phí thuê đất đã được Công ty trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 9 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,8 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng và bù trừ tương ứng với số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê đất trong suốt thời gian thuê.

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy và các khoản trả trước khác	6.115.423.804	4.749.424.813
Tổng cộng	6.115.423.804	4.749.424.813
b. Dài hạn		
Khí trả trước theo Hợp đồng mua bán khí (i)	-	1.039.511.914.882
Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (ii)	134.274.390.937	137.131.381.946
Chi phí sửa chữa lớn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (iii)	279.443.509.197	301.702.397.469
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (iv)	3.264.516.882	3.352.747.068
Chi phí khác	989.107.358	668.221.909
Tổng cộng	417.971.524.374	1.482.366.663.274

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.803.864.193.142	1.803.864.193.142	2.153.018.063.190	2.153.018.063.190
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	6.606.186.471	6.606.186.471
	1.803.864.193.142	1.803.864.193.142	2.159.624.249.661	2.159.624.249.661
b. Phải trả người bán là bên thứ ba				
- Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	-	90.148.277.384	90.148.277.384
- Các đối tượng khác	5.887.995.923	5.887.995.923	3.083.403.312	3.083.403.312
	5.887.995.923	5.887.995.923	93.231.680.696	93.231.680.696
Tổng cộng	1.809.752.189.065	1.809.752.189.065	2.252.855.930.357	2.252.855.930.357

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp	Phát sinh trong kỳ		Số phải nộp
	tại ngày 01/01/2025	Số phải nộp	Số đã thực nộp	tại ngày 31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.408.567.918	5.408.567.918	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	952.144.583	952.144.583	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.862.579.743	6.609.816.202	14.862.579.743	6.609.816.202
Thuế thu nhập cá nhân	537.170.938	6.850.856.601	6.418.589.973	969.437.566
Thuế tài nguyên	3.678.461.520	9.179.589.120	9.185.925.840	3.672.124.800
Các loại thuế, phí khác	4.365.205.942	9.247.853.146	8.443.535.288	5.169.523.800
Tổng cộng	23.443.418.143	38.248.827.570	45.271.343.345	16.420.902.368

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu khí (i)	40.134.707.385	1.116.609.913.314
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng nhà máy (ii)	53.533.904.533	32.939.774.371
Chi phí lãi vay	3.455.978.958	2.828.385.151
Các khoản trích trước khác	1.820.388.816	1.293.319.190
Tổng cộng	98.944.979.692	1.153.671.392.026

Chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các chi phí:

- Chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 chưa xuất hóa đơn tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo Thông báo trước tiền khí từ Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP - Công ty Vận chuyển Khí Đồng Nam Bộ.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co.KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (*)	39.278.284.374	39.278.284.374
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	-
Cổ tức phải trả	9.303.977.344	9.014.824.084
Các khoản phải trả khác	1.511.502.744	736.823.891
Tổng cộng	50.093.764.462	49.029.932.349

(*) Khoản lãi trả chậm dự trả tiền khí cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PVGAS) theo điều khoản của Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và PVGAS phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

18. VAY NGẮN HẠN

	Số dư tại ngày 01/01/2025		Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 31/03/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	996.392.854.961	996.392.854.961	1.404.146.403.659	996.392.854.961	1.404.146.403.659	1.404.146.403.659
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	996.392.854.961	996.392.854.961	1.404.146.403.659	996.392.854.961	1.404.146.403.659	1.404.146.403.659
	996.392.854.961	996.392.854.961	1.404.146.403.659	996.392.854.961	1.404.146.403.659	1.404.146.403.659

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 006/VCB.TT.KHDN/24NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000.000 đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2025. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi được trả định kỳ hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 010/TTH.KHDN/25NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000.000 đồng (bao gồm cả các khoản nợ của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín chấp ngắn hạn số 006/VCB.TT.KHDN/24NH ký ngày 15 tháng 3 năm 2024 tính đến ngày ký hợp đồng này) phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2026. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi được trả định kỳ hàng tháng và ngày hoàn trả toàn bộ nợ cuối cùng không muộn hơn ngày kết thúc khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	287.876.029
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>287.876.029</u>	<u>287.876.029</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/03/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam-CTCP	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	59,37%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,27%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	931.538.340.000	32,36%
	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.878.760.290.000</u>	<u>100%</u>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.231.480.796.169	4.335.849.370.331
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.893.960.390	82.893.960.390
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(201.513.220.300)	(201.513.220.300)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.084.711.536.259	4.189.080.110.421
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	36.964.143.180	36.964.143.180
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(230.300.823.200)	(230.300.823.200)
Số dư tại ngày 31/03/2025	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	891.374.856.238	3.995.743.430.400

Theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 29 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023. Theo đó, cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của năm 2023 với tỷ lệ 15%/mệnh giá một cổ phần và tương ứng số tiền 431.814.043.500 đồng, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý với số tiền là 28.150.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 01/NQ-CPNT2 ngày 8 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 với tỷ lệ 8%/mệnh giá, tương đương 800 đồng/01 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ/ kỳ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các niên độ/ kỳ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu bán điện trong kỳ được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/ Công ty Mua Bán Điện ("EPTC").

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.081.810.993.459	266.117.570.782
Chi phí nhân công	21.645.819.049	10.999.652.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.774.890.858	171.727.446.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.577.872.655	46.334.809.082
Chi phí khác	16.946.642.729	6.848.623.383
Tổng cộng	1.400.756.218.750	502.028.102.594

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	31.190.854.188	17.774.932.903
Lãi chênh lệch tỷ giá	151.035.427	1.593.291.775
Tổng cộng	31.341.889.615	19.368.224.678

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.383.899.506	5.127.684.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.284.548.606	2.762.347.575
Tổng cộng	13.668.448.112	7.890.032.199

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Lương nhân viên quản lý	6.479.519.565	3.565.099.006
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.072.193.400	992.141.900
Chi phí vật liệu văn phòng	492.424.197	540.879.712
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	30.258.910	43.242.454
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	1.633.988.680	1.688.820.342
Thuế và lệ phí	61.687.536	62.858.350
Chi phí sửa chữa thường xuyên quản lý	85.218.270	87.132.920
Dịch vụ mua ngoài	5.139.297.460	5.253.485.501
Chi phí quản lý khác	3.692.092.997	2.497.166.596
Tổng cộng	18.686.681.015	14.730.826.781

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP	-	70.294.128.000
Thu nhập khác	367.122.194	325.241.115
Tổng cộng	367.122.194	70.619.369.115

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025			Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Tổng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	24.829.037.297	18.744.922.085	43.573.959.382	(158.158.882.688)
Cộng: Các chi phí không được trừ	3.569.292.581	104.993.984	3.674.286.565	338.793.416
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	28.398.329.878	18.849.916.069	47.248.245.947	(157.820.089.272)
Thuế suất	10%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.839.832.988	3.769.983.214	6.609.816.202	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.839.832.988	3.769.983.214	6.609.816.202	-

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	36.964.143.180	(158.158.882.688)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH	7.037.500.000	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.926.643.180	(158.158.882.688)
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	287.876.029	287.876.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	104	(549)

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết bán hàng**

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các Hợp đồng, sửa đổi bổ sung có liên quan. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 25 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011. Giá bán điện được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán điện và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Cam kết mua hàng

Công ty đã ký kết với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVGAS) bằng Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 04 năm 2010. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng mua này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

30. TÀI SẢN, CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02 tháng 04 năm 2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) về việc ngừng áp dụng Nghị quyết số 1827/NQ-DKVN ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận phương án hạch toán kế toán đối với các khoản doanh thu/chí phí liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí. Theo đó, Công ty sẽ phải tiến hành ghi nhận khoản thu tiền lãi trả chậm phát sinh từ Công ty Mua Bán Điện (“EPTC”) và ghi nhận khoản phải trả cho PV GAS dựa theo ngày chậm trễ/quá hạn thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

nguyên tắc và các phụ lục bổ sung được ký giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và PV GAS (Hợp đồng mua bán khí) và giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Mua Bán Điện (Hợp đồng mua bán điện). Công ty đã làm việc với Công ty Mua Bán Điện (“EPTC”), PV GAS về tình hình thực hiện hợp đồng mua bán điện/khí và đang trao đổi lại với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP về phương pháp cụ thể, về tính hiệu lực của Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN có được áp dụng cho các khoản lãi chậm nộp có số dư phát sinh từ những năm/kỳ trước hay không để làm cơ sở cho việc hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản lãi phạt/chi phí, phải thu/phải trả liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí đã phát sinh trong thời gian tới.

Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 1632/QĐ-TCT ngày 08/11/2019 của Tổng Cục thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện, Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan chức năng có liên quan để có kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện của Tổng Cục Thuế và cơ quan hữu quan nên chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc 31 tháng 3 năm 2025.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, Công ty đã ký kết Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 16 (“Phụ lục hợp đồng bổ sung 16”) của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 về việc điều chỉnh giá bán điện theo vốn đầu tư quyết toán Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Công ty Mua bán Điện (“EPTC”), bao gồm điều khoản liên quan đến điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ (tỷ giá gốc) trong phương án điện tại Hợp đồng mua bán điện 07 ở trên. Theo đó, phần doanh thu bổ sung liên quan đến phần chênh lệch tỷ giá còn lại của năm 2019 và phần chênh lệch tỷ giá cho giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2021 với số tiền khoảng 177 tỷ đồng theo quy định Thông tư 07/2024/TT-BCT ngày 12 tháng 4 năm 2024 (thay thế Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020) của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện và theo Phụ lục Hợp đồng bổ sung 16 sẽ được ghi nhận vào báo cáo tài chính tương lai khi có sự thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Công ty Mua Bán Điện trong thực hiện Hợp đồng mua bán điện theo quy định hiện hành.

Ngày 09/11/2021, Ủy ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch đã ra Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116.482 m² của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 tại khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP làm chủ đầu tư. Theo đó Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan và cơ quan hữu quan để thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến diện tích đất thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của nhà máy điện. Hiện tại, Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa thu thập đủ thông tin đáng tin cậy về chi phí có thể phát sinh cũng như đánh giá các ảnh hưởng có thể có liên quan đến việc tính giá thành điện. Theo đó, Công ty đang làm việc với các cơ quan hữu quan để có thêm hướng dẫn để có đủ thông tin cần thiết cho việc ước tính.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Công ty nhận giữ hộ một số vật tư phụ tùng thuộc sở hữu của nhà thầu Siemens Energy Global GmbH nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy. Các vật tư này sẽ được quyết toán sau thời điểm kết thúc hợp đồng sửa chữa dài hạn đã được ký kết với Công ty.

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
	VND	VND
Mua hàng dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.116.609.913.314	1.422.597.542.345
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	20.505.979.847
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	5.136.016.199
Công ty Cổ phần PVI	9.695.423.467	9.704.748.129
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	497	7.951
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	136.740.864.000	119.648.256.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khác		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	9.647.400	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.803.864.193.142	2.153.018.063.190
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	6.606.186.471
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	40.134.707.385	1.116.609.913.314
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.465.836.073	780.833.725
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	39.278.284.374	39.278.284.374

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng

Ngô Đức Nhân
Giám đốc
Ngày tháng 04 năm 2025

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
(Established in the Socialist Republic of Vietnam)

FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FIRST QUARTER 2025
(For the period ending on March 31, 2025)

11/21/2025 10:00 AM
11/21/2025 10:00 AM
11/21/2025 10:00 AM

TABLE OF CONTENTS

<u>CONTENTS</u>	<u>PAGE</u>
BALANCE SHEET	2 - 3
INCOME STATEMENT	4
CASH FLOW STATEMENT	5 - 6
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	7 - 25

11
3
R
PH
1
5

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025****BALANCE SHEET**

As at March 31, 2025

FORM B 01a-DN*(Issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

ASSETS	Code	Notes	31/03/2025	01/01/2025
A. CURRENT ASSETS	100		5,696,883,621,852	5,773,811,804,064
I. Cash and cash equivalents	110	4	8,742,971,724	56,958,238,240
1. Cash	111		8,742,971,724	6,958,238,240
2. Cash equivalents	112		-	50,000,000,000
II. Current financial investments	120	5	2,365,490,790,416	2,273,490,790,416
1. Held to maturity investments	123		2,365,490,790,416	2,273,490,790,416
III. Current receivables	130		2,855,612,931,439	2,988,656,591,746
1. Current trade receivables	131	6	2,804,091,127,328	2,933,275,806,587
2. Current advances to suppliers	132		236,250,000	-
3. Other current receivables	136	7	75,601,380,364	79,696,611,412
4. Provision for current bad debts	137	8	(24,315,826,253)	(24,315,826,253)
IV. Inventories	140	9	333,858,802,862	332,599,835,856
1. Inventories	141		333,858,802,862	332,599,835,856
V. Other current assets	150		133,178,125,411	122,106,347,806
1. Current prepayments	151	13	6,115,423,804	4,749,424,813
2. Deductible value added tax	152	10	127,062,701,607	117,356,922,993
B. NON-CURRENT ASSETS	200		1,688,561,316,455	2,924,035,246,214
I. Fixed assets	220		1,270,589,792,081	1,441,668,582,940
1. Tangible fixed assets	221	11	1,248,589,219,165	1,419,617,676,690
- Historical cost	222		11,333,238,145,648	11,332,539,745,648
- Accumulated depreciation	223		(10,084,648,926,483)	(9,912,922,068,958)
2. Intangible fixed assets	227	12	22,000,572,916	22,050,906,250
- Historical cost	228		31,602,900,921	31,602,900,921
- Accumulated depreciation	229		(9,602,328,005)	(9,551,994,671)
II. Other non-current assets	260		417,971,524,374	1,482,366,663,274
1. Non-current prepayments	261	13	417,971,524,374	1,482,366,663,274
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		7,385,444,938,307	8,697,847,050,278

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025****BALANCE SHEET (Continued)**

As at March 31, 2025

FORM B 01a-DN*(Issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

SOURCES OF CAPITAL	Code	Notes	31/03/2025	01/01/2025
C. LIABILITIES	300		3,389,701,507,907	4,508,766,939,857
I. Current liabilities	310		3,389,701,507,907	4,508,766,939,857
1. Current trade payables	311	14	1,809,752,189,065	2,252,855,930,357
2. Taxes and other payables to the State budget	313	15	16,420,902,368	23,443,418,143
3. Payables to employees	314		7,162,701,708	20,967,804,184
4. Current accrued expenses	315	16	98,944,979,692	1,153,671,392,026
5. Other current payables	319	17	50,093,764,462	49,029,932,349
6. Current borrowings and finance lease liabilities	320	18	1,404,146,403,659	996,392,854,961
7. Bonus and welfare fund	322		3,180,566,953	12,405,607,837
D. OWNER'S EQUITY	400		3,995,743,430,400	4,189,080,110,421
I. Owner's equity	410	19	3,995,743,430,400	4,189,080,110,421
1. Contributed capital	411		2,878,760,290,000	2,878,760,290,000
- Ordinary share carrying voting right	411a		2,878,760,290,000	2,878,760,290,000
2. Share premium	412		(457,500,000)	(457,500,000)
3. Development and investment fund	418		226,065,784,162	226,065,784,162
4. Undistributed profit after tax	421		891,374,856,238	1,084,711,536,259
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		854,410,713,058	1,001,817,575,869
- Undistributed profit after tax for the current period	421b		36,964,143,180	82,893,960,390
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY	440		7,385,444,938,307	8,697,847,050,278
(440 = 300 + 400)				

Le Van Tu
PreparerLe Viet An
Chief accountantNgo Duc Nhan
Director
April , 2025*The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.*

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025****INCOME STATEMENT**
For the first quarter 2025**FORM B 02a-DN***(Issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

ITEMS	Code	Notes	The first quarter		Accumulated from the beginning of the year to the end of the first quarter	
			Year 2025	Year 2024	Year 2025	Year 2024
1. Sales revenue	01		1,426,705,638,833	261,906,934,605	1,426,705,638,833	261,906,934,605
2. Net sales revenue (10=01)	10	21	1,426,705,638,833	261,906,934,605	1,426,705,638,833	261,906,934,605
3. Cost of goods sold	11		1,382,069,537,735	487,297,275,813	1,382,069,537,735	487,297,275,813
4. Gross profit from sales (20=10-11)	20		44,636,101,098	(225,390,341,208)	44,636,101,098	(225,390,341,208)
5. Financial income	21	23	31,341,889,615	19,368,224,678	31,341,889,615	19,368,224,678
6. Financial expenses	22	24	13,668,448,112	7,890,032,199	13,668,448,112	7,890,032,199
- In which: Interest expense	23		12,383,899,506	5,127,684,624	12,383,899,506	5,127,684,624
7. General & administration expenses	26	25	18,686,681,015	14,730,826,781	18,686,681,015	14,730,826,781
8. Net profit from operating activities (30 = 20+(21-22)-26)	30		43,622,861,586	(228,642,975,510)	43,622,861,586	(228,642,975,510)
9. Other income	31	26	367,122,194	70,619,369,115	367,122,194	70,619,369,115
10. Other expenses	32		416,024,398	135,276,293	416,024,398	135,276,293
11. Other income (40=31-32)	40		(48,902,204)	70,484,092,822	(48,902,204)	70,484,092,822
12. Total profit before tax (50=30+40)	50		43,573,959,382	(158,158,882,688)	43,573,959,382	(158,158,882,688)
13. Current corporate income tax expense	51	27	6,609,816,202	-	6,609,816,202	-
14. Profit after corporate income tax (60=50 - 51)	60		36,964,143,180	(158,158,882,688)	36,964,143,180	(158,158,882,688)
15. Basic earnings per share	70	28	104	(549)	104	(549)

Le Van Tu
PreparerLe Viet An
Chief accountantNgo Duc Nhan
Director
April , 2025*The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.*

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025****CASH FLOW STATEMENT****(Using the indirect method)****For the accounting period ending on March 31, 2025****FORM B 03a-DN***(Issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)*

Unit: VND

ITEMS	Code	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
4			
CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	43,573,959,382	(158,158,882,688)
2. Adjustments for:			
Depreciation of fixed assets	02	171,774,890,858	171,727,446,867
(Gain)/loss on foreign exchange differences due to revaluation	04	-	(1,047,211)
Gain from investing activities	05	(31,190,853,230)	(17,774,932,903)
Interest expense	06	12,383,899,506	5,127,684,624
3. Profit from operating activities before changes in working capital	08	196,541,895,558	920,268,689
Changes in receivables	09	119,360,079,467	413,462,711,271
Changes in inventories	10	(1,258,967,006)	(74,159,114,747)
Changes in payables	11	(1,510,956,323,291)	656,603,811,281
Changes in prepaid expenses	12	1,063,029,139,909	(1,193,796,357,869)
Interest paid	14	(11,756,305,699)	(5,585,578,966)
Corporate income tax paid	15	(14,862,579,743)	(13,873,902,002)
Other payments on operating activities	17	(9,222,740,883)	(10,051,530,108)
Net cash flow from operating activities	20	(169,125,801,688)	(226,479,692,451)
II. CASH FLOW FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Expenditure on purchase and construction of fixed assets	21	-	(846,000,000)
2. Expenditure on short-term investments	23	(1,365,000,000,000)	(534,000,000,000)
3. Proceeds from short-term investments	24	1,273,000,000,000	1,430,000,000,000
4. Proceeds from deposit interest, distributed dividend and profit	27	35,168,655,456	52,176,103,355
Net cash flow from investing activities	30	(56,831,343,586)	947,330,103,355
III. CASH FLOW FROM FINANCIAL ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowing	33	1,404,146,403,659	554,362,671,320
2. Repayment of principal of borrowings	34	(996,392,854,961)	(1,068,100,000,000)
3. Dividends paid to shareholders	36	(230,011,669,940)	(201,296,973,083)

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025**

Net cash flow from financial activities	40	177,741,878,758	(715,034,301,763)
Net cash flow during the period (50=20+30+40)	50	(48,215,266,516)	5,816,109,141
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	56,958,238,240	1,152,868,962
Cash and cash equivalents at the end of the period (70=50+60)	70	<u>8,742,971,724</u>	<u>6,968,978,103</u>

Additional information for non-cash items

Interest income from deposits during the period does not include the amount of VND 31,785,959,158 (the first quarter 2024: VND 16,449,433,515) which is the amount of accrued interest arising during the period but not yet been received. Thus, a corresponding amount has been adjusted in the change in receivables.

Interest paid during the period does not include the amount of VND 3,455,978,958 (the first quarter 2024: VND 331,146,754) which is the amount of interest payable that has not yet been paid. Thus, a corresponding amount has been adjusted in the change in payables.

Dividends and profits paid to owners during the period do not include the amount of VND 9,303,977,344 (the first quarter 2024: VND 9,166,559,231) which is the amount of dividends and profits not yet paid to shareholders. Thus, a corresponding amount has been adjusted in the change in payables.

Le Van Tu
Preparer

Le Viet An
Chief accountant

Ngo Duc Nhan
Director
April , 2025

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

1. OVERVIEW INFORMATION

Form of capital ownership

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) was established in Vietnam under the Business Registration Certificate No. 4703000396 dated June 20, 2007 issued by the Department of Planning and Investment of Dong Nai Province and the latest adjusted license No. 3600897316 dated September 21, 2022.

The Company's stocks are listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange as per the Notice No. 614/TB-SGDHCM dated June 03, 2015 of the Ho Chi Minh Stock Exchange with the securities code NT2.

The total number of employees of the Company as at March 31, 2025 is 168 (As at December 31, 2024: 168).

Business lines

The Company's business lines are:

- Production, transmission and distribution of electricity;
- Direct support services for waterway transport;
- Wholesale of solid, liquid and gaseous fuels and related products;
- Warehousing and storage of goods;
- Road freight transport;
- Architectural activities and related technical consultancy;
- Wholesale of other equipment, materials and spare parts;
- Other professional, scientific and technological activities;
- Vocational education;
- Inland waterway freight transport;
- Other transport support services

Main activities

The Company's main activities during the year are to manage and operate Nhon Trach 2 Thermal Power Plant located at Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam.

Normal production and business cycle

The normal production and business cycle of the Company is performed within a period of no more than 12 months.

2. BASIS FOR PREPARATION OF FINANCIAL STATEMENTS AND FINANCIAL YEAR

Basis for preparation of financial statements

The accompanying financial statements are presented in Vietnamese dong (“VND”), under the historical cost principle and in accordance with the Vietnamese accounting standards, corporate accounting regime and legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

Financial year

The Company's financial year starts from January 1 to December 31.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The following significant accounting policies have been applied by the Company in preparing its financial statements:

Accounting estimates

The preparation of financial statements in accordance with the Vietnamese accounting standards, corporate accounting regime and legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements requires the Board of Directors to make estimates and assumptions affecting the reported figures on liabilities, assets and the presentation of contingent liabilities and assets at the date of the financial statements as well as the reported figures on revenues and expenses during the financial year. Although the accounting estimates are made to the best knowledge of the Board of Directors, the actual figures arising may differ from the estimates and assumptions that were made.

Financial instruments

Initial recognition

Financial assets: At the initial recognition date, financial assets are recorded at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of such financial assets. The Company's financial assets include cash and cash equivalents, trade receivables and other receivables.

Financial liabilities: At the initial recognition date, financial liabilities are recorded at cost plus transaction costs that are directly attributable to the issuance of such financial liabilities. The Company's financial liabilities include loans, trade payables, other payables, and accrued expenses.

Revaluation after initial recognition

Presently, the company has no regulations on revaluation of financial instruments after initial recognition.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents include cash on hand, demand deposits, short-term investments with a recovery period of no more than 3 months from the date of investment, which are easily convertible to a known amount of cash with little risk related to value fluctuations at the reporting date.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments represent time deposits. Held-to-maturity investments are recorded on the date of acquisition and initially measured at their purchase price and expenses related to the purchase of investments. Interest income from held-to-maturity investments is recorded in the Income Statement on an accrual basis.

Receivables

Receivables are the amount that can be recovered from customers or other subjects. Receivables are presented at carrying amount less provisions for bad debts.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

Provision for bad debts is provided for receivables that are past due, or for receivables that are unlikely to be paid by the debtor due to liquidation, bankruptcy or similar difficulties.

Inventories

Inventories are determined at the lower of cost and net realizable value. The cost of inventories includes direct material cost and directly attributable costs, if any, incurred in bringing the inventories to their present location and condition. The Company applies the perpetual inventory method to account for inventories. The cost of inventories is determined by the weighted average method. Net realizable value is determined as estimated selling price less the estimated costs of completing the product with the costs of marketing, selling and distribution arising.

The Company's provision for devaluation of inventories is provided in accordance with the current accounting regulations. Accordingly, the Company is allowed to make an provision for obsolete, damaged, or poor inventory and in cases where the original cost of inventories is higher than the net realizable value at the end of the accounting period.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The cost of tangible fixed assets includes the purchase price and all other costs directly attributable to bringing the asset to working condition for use. The cost of self-made or self-constructed tangible fixed assets includes construction costs, actual production costs arising plus installation and trial costs.

Tangible fixed assets are depreciated by the straight-line method over their estimated useful lives, as follows:

	<u>Number of years</u>
Plant, architectonic model	05 – 20
Machinery, equipment	05 – 14
Transportation vehicles	06 – 10
Office equipment	03 – 06

Gains, losses arising on the disposal or sale of an asset are the difference between the proceeds from disposal and the remaining value of the asset and is recognized in the income statement.

Leases

A lease is defined as an operating lease when the lessor still enjoys most of the benefits and must bear the risks of ownership of the asset. Operating lease costs are recorded in the income statement by the straight-line method during the lease term.

Intangible assets and depreciation

Intangible assets represent land use rights and software. Land use rights with an indefinite term are presented at cost and are not amortised. Other intangible assets are amortised by the straight-line method over their estimated useful lives.

Construction in progress

Construction in progress reflects the total value of fixed assets being purchased, capital construction investment costs, major repairs of unfinished or finished fixed assets that have not been delivered or put into use. Depreciation of these assets is applied in the same way as other assets, starting when the assets are ready for use.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

Prepayments

Prepayments includes actual costs incurred but related to the business performance results of many accounting periods. Prepayments include current prepayments and non-current prepayments.

Current prepayments represent plant insurance premiums, personal insurance premiums and other prepayments with the one-year allocation period.

Non-current prepayments include prepaid gas fuel costs for operating Nhon Trach 2 Power Plant; first payment for the Long-term Maintenance and Repair Contract for the main equipment of Nhon Trach 2 Power Plant, phase 100,000 EOH; overhaul costs of Nhon Trach 2 Power Plant awaiting allocation; land lease cost for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant project and other non-current prepayments presented in detail in Note 13. These non-current prepayments are allocated using the straight-line method.

Other non-current prepayments include the value of tools, instruments and other costs that are considered to be able to provide future economic benefits to the Company. These costs are capitalized as non-current prepayments and allocated to the income statement by the straight-line method over two to three years in accordance with the current regulations.

Accrued expenses

Accrued expenses include payables for goods and services received from sellers or supplied during the period but not actually paid due to no invoice or insufficient accounting records and documents but recorded in production and business expenses in the period.

Provision for payables

Provision for payables is recorded when the Company has a present debt obligation as a result of a past event, and the Company is able to settle this obligation. Provisions are determined based on the Board of Directors' estimate of the expenditure required to settle the obligation at the end of the reporting period.

Recognition of revenue

Electricity sales revenue is recognized monthly based on the electricity output generated and fed into the national grid with monthly confirmation from the Electricity Power Trading Company (EPTC) at the electricity selling price prescribed in the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 signed on July 06, 2012; Nhon Trach 2 Power Plant Ancillary Service Contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN signed on September 10, 2023 and the amended and supplemented Contracts. This electricity sales revenue figure is notified in advance to the Electricity Power Trading Company (EPTC) and any differences arising will be recorded in the current accounting period when the Company determines the exact revenue based on variable costs at the invoice issuance date

Deposit interest is recorded on an accrual basis, determined on the balance of deposit accounts and the applied interest rate.

Foreign currency

Transactions arising in foreign currencies are converted at the exchange rate on the date of the arising transaction. The balance of foreign currency-denominated monetary items at the end of the accounting period are converted at the exchange rate on this date. Exchange rate differences arising during the period are recorded in the Income Statement.

Fund distribution and dividend distribution

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

Bonus and welfare fund, Executive Board bonus fund; Investment and development fund and dividend distribution to Shareholders are set aside from the Company's profit after tax according to the Charter and the proposal of the Board of Directors of the Company and approved by the General Meeting of Shareholders.

Interim dividend payment in the year to shareholders is decided by the Board of Directors based on (i) the current production and business situation and expected business results in the next year, (ii) the expected dividend level for each year approved by the Annual General Meeting of Shareholders and (iii) ensuring compliance with the Company's Charter and the Vietnamese legal regulations as well as balancing the source of money for payment and other financial obligations after the interim dividend payment.

The final figures related to the distribution of the above funds and dividend distribution from the annual profit after tax will be approved by shareholders at the Annual General Meeting of Shareholders of the Company.

Borrowing costs

Interest expense is recorded in the income statement when incurred, unless it is capitalised in accordance with the Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs".

Taxes

Corporate income tax represents the total value of current tax payable and deferred tax.

Current tax payable are calculated based on taxable income during the period. Assessable income differs from profit before tax as reported in the income statement because taxable income excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods (including losses carried forward, if any) and excludes items that are not taxable or deductible.

Deferred income tax is calculated based on the differences between the carrying amount and the basis of calculating income tax of assets or liabilities on the financial statements and recorded by the balance sheet method. Deferred tax liabilities must be recorded for all temporary differences while deferred tax assets are recorded only when it is probable that future assessable profits will be available against which the temporary differences can be deducted.

Deferred income tax is determined at the tax rates that will be applied in the year when the assets are recovered or liabilities are paid. Deferred income tax is recorded in the income statement and is recorded in the owner's equity when it relates to items recorded directly in the owner's equity.

Deferred income tax assets and deferred tax liabilities are offset when the Company has a legally enforceable right to set off current tax assets against a current tax liabilities and when the deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to income tax administered by the same tax authority and the Company intends to pay the current income tax on a net basis.

The determination of the Company's corporate income tax payable and deferred income tax is based on the current tax regulations. However, these regulations will change from time to time and the final determination of corporate income tax depends on the results of the inspection by the competent tax authority.

Other taxes are applied according to the current tax laws in Vietnam.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Cash	327.464.312	125.289.733
Demand deposit	8.415.507.412	6.832.948.507
Cash equivalents	-	50.000.000.000
Total	<u>8.742.971.724</u>	<u>56.958.238.240</u>

5. SHORT-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Time deposits over 3 months	2.365.490.790.416	2.273.490.790.416
Total	<u>2.365.490.790.416</u>	<u>2.273.490.790.416</u>

Short-term financial investments with balances as at March 31, 2025 represent deposits in Vietnamese dong with duration of over 03 months and less than 01 year at commercial banks and enjoy interest rates from 4.2%/year to 5.6%/year.

Short-term financial investments as at March 31, 2025 include the balance of a 12-month time deposit at the interest rate of 4.2%/year at Modern Bank of Vietnam Limited with a value of VND 490,790,416, which is currently suspended from transaction. The Board of Directors assesses that this amount will be re-traded in the future when the State Bank of Vietnam has specific regulations.

6. CURRENT TRADE RECEIVABLES

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Electricity Power Trading Company (EPTC)	2,803,954,397,680	2,933,258,613,166
Other trade receivables	136,729,648	17,193,421
Total	<u>2,804,091,127,328</u>	<u>2,933,275,806,587</u>

Current trade receivables are mainly the amount of money of electricity receivable from the Electricity Power Trading Company ("EPTC") as at March 31, 2025, which are determined according to the official electricity selling price prescribed in the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 ("Power Purchase Agreement 07") signed on July 06, 2012; Ancillary Service Contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN signed on September 10, 2023 and other Appendices/Amendments to Power Purchase Agreement 07 between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and Vietnam Electricity ("EVN")/Electricity Power Trading Company ("EPTC").

7. OTHER CURRENT RECEIVABLES

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Accrued late payment interest from	42,153,554,457	42,153,554,457
Electricity Power Trading Company (EPTC) (*)		
Siemens Energy Global	-	1,526,376,282
PetroVietNam CaMau Power Company	9,647,400	-
Accrued interest on bank deposits	31,785,959,158	35,763,761,384
Advance for employees	211,000,000	-
Deposits	15,000,000	15,000,000
Other receivables	1,426,219,349	237,919,289
Total	75,601,380,364	79,696,611,412

(*) The accrued late payment interest of the Electricity Power Trading Company ("EPTC") as per the terms of the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012 between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and EVN/EPTC arising up to December 31, 2012.

8. PROVISION FOR CURRENT DOUBTFUL RECEIVABLES

Provision for current doubtful receivables at the end of the accounting period is made by the Company based on the Board of Directors' assessment of recoverability, specifically as follow:

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	Recoverable value
	Historical cost	Historical cost
Value of receivables that are past due or unlikely to be collected		
Electricity Power Trading Company (EPTC)	80,494,444,352	80,494,444,352
Provision	56,178,618,099	56,178,618,099
	24,315,826,253	24,315,826,253

9. INVENTORIES

The value of inventories as at March 31, 2025 and December 31, 2024 includes the value of DO fuel oil (received for electricity production) and consumables, back up materials, etc. serving the commercial operation and maintenance process of Nhon Trach 2 Combined Cycle Power Plant

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Supplies for electricity production	268,881,476,073	267,604,801,750
Diesel Oil 0.05S	64,977,326,789	64,995,034,106
Total	333,858,802,862	332,599,835,856

10. DEDUCTIBLE VALUE ADDED TAX

Regarding the implementation of the Contract for gas sale and purchase No. 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 dated April 06, 2010 between the Company and PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation ("PVGas"). In some months, the Company's electricity output is not enough to ensure the obligation to wholly purchase gas fuel as stipulated in the Contract for gas sale and purchase, however, the Company is still obliged to pay PVGas an amount corresponding to the amount of gas equal to the amount of gas accepted to wholly purchase minus the actual amount of gas consumed during the year ("prepaid amount of gas"). The Company will have the right to receive from PVGas

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

an amount of gas equivalent to the prepaid amount of gas within four (04) years from the year of arising and can deduct it from the whole purchase obligation without incurring any other costs. The Company will deduct the value added tax on purchased goods and services corresponding to the above "prepaid amount of gas" from the value added tax on sold goods and services payable in the future.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

11. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Plant, architectonic model VND	Machinery, and equipment VND	Transportation & transmission instruments VND	Office equipment VND	Total VND
COST					
Balance as at 01/01/2025	2,972,510,902,136	8,312,185,485,163	35,945,649,692	11,897,708,657	11,332,539,745,648
Increase in period	-	-	-	698,400,000	698,400,000
Balance as at 31/03/2025	2,972,510,902,136	8,312,185,485,163	35,945,649,692	12,596,108,657	11,333,238,145,648
ACCUMULATED DEPRECIATION					
Balance as at 01/01/2025	1,965,142,359,863	7,903,223,828,856	33,533,579,639	11,022,300,600	9,912,922,068,958
Depreciation during the period	37,092,374,229	134,329,681,917	169,148,139	135,653,240	171,726,857,525
Balance as at 31/03/2025	2,002,234,734,092	8,037,553,510,773	33,702,727,778	11,157,953,840	10,084,648,926,483
RESIDUAL VALUE					
As at 31/03/2025	970,276,168,044	274,631,974,390	2,242,921,914	1,438,154,817	1,248,589,219,165
As at 01/01/2025	1,007,368,542,273	408,961,656,307	2,412,070,053	875,408,057	1,419,617,676,690

As at March 31, 2025, the historical cost of tangible fixed assets includes tangible fixed assets that have been fully depreciated but are still in use with a value of VND 74,090,469,739 (As at December 31, 2024: VND 73,774,469,739).

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

12. INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND	Software VND	Total VND
COST			
Balance as at 01/01/2025	21,602,554,546	10,000,346,375	31,602,900,921
Balance as at 31/03/2025	21,602,554,546	10,000,346,375	31,602,900,921
ACCUMULATED DEPRECIATION			
Balance as at 01/01/2025	-	9,551,994,671	9,551,994,671
Depreciation during the period	-	50,333,334	50,333,334
Balance as at 31/03/2025	-	9,602,328,005	9,602,328,005
RESIDUAL VALUE			
As at 31/03/2025	21,602,554,546	398,018,370	22,000,572,916
As at 01/01/2025	21,602,554,546	448,351,704	22,050,906,250

The value of long-term land use rights is the land use rights at the land area belonging to the apartment building CC1.2- Residential unit No. 1 - Phuoc An - Long Tho residential area, Nhon Trach district, Dong Nai province.

As at March 31, 2025, the historical cost of intangible fixed assets includes intangible fixed assets that have been fully depreciated but are still in use with a value of VND 9,396,346,375 (as at December 31, 2024: VND 9,396,346,375).

13. PREPAYMENTS

Current prepayments represent plant insurance premium, personal insurance and other expenses with an 1-year allocation period.

Non-current prepayments mainly include costs:

- (i) The gas fuel cost for operating Nhon Trach 2 power plant paid in advance according to the gas fuel whole purchase obligation stipulated in the Contract for gas purchase and sale No. 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 dated April 06, 2010 between the Company and PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation ("PVGas"). In some months, the Company's electricity output is not enough to ensure the obligation to wholly purchase gas fuel as stipulated in the Contract for gas purchase and sale, however, the Company is still obliged to pay PVGas an amount corresponding to the amount of gas equal to the amount of gas accepted to wholly purchase minus the actual amount of gas consumed during the year ("prepaid amount of gas"). The Company will have the right to receive from PVGas an amount of gas equivalent to the prepaid amount of gas within four (04) years from the year of arising and can deduct it from the whole purchase obligation without incurring any other costs. The application of deduction by prepaid gas in any contract year will not exceed 15% of the minimum annual amount of gas of that contract year. At the date of this financial statement, the amount of money of prepaid gas has been fully deducted by PVGas from the whole purchase obligation in 2025.
- (ii) Overhaul costs of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant at 100,000 EOH arise when the plant reaches 100,000 EOH and the Company must perform periodic overhauls according to technical requirements. Accordingly, this overhaul cost is recorded and allocated to the corresponding Income Statement for the period of 33,333 EOH for each subsequent generating set.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

- (iii) Initial payment fee under the Long-term Maintenance and Repair Contract for the main equipment of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant, phase 2, the next 100,000 EOH for each unit between the Company and the consortium Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemens Energy Limited Company signed on July 28, 2023. Accordingly, this initial payment fee is recorded and allocated to the Interim Income Statement within 100,000 EOH for each generating set.
- (iv) Land lease costs have been prepaid by the Company through compensation for site clearance corresponding to the leased land area in Phuoc Khanh commune, Nhon Trach district, Dong Nai province with an area of 129,188 m² for the period from June 27, 2009 to October 9, 2014 and with an area of 294,724.8 m² for the period from June 27, 2009 to June 30, 2034. This cost is allocated by the Company to production and business expenses during the year by the straight-line method and offset correspondingly with the rent amount payable under the land lease contract during the lease term.

Details of the balance of prepayments at the end of the accounting period:

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Current		
Plant insurance premium and other prepayments	6,115,423,804	4,749,424,813
Total	<u>6,115,423,804</u>	<u>4,749,424,813</u>
b. Non-current		
Prepaid gas under the Contract for gas purchase and sale (i)	-	1,039,511,914,882
Initial payment fee for the long-term maintenance and repair contract for main equipment at the next 100,000 EOH phase (ii)	134,274,390,937	137,131,381,946
Major repair costs of Nhon Trach 2 Power Plant (iii)	279,443,509,197	301,702,397,469
Compensation costs for site clearance (iv)	3,264,516,882	3,352,747,068
Other costs	989,107,358	668,221,909
Total	<u>417,971,524,374</u>	<u>1,482,366,663,274</u>

14. CURRENT TRADE PAYABLES

	31/03/2025		01/01/2025	
	Value	VND Amount within payment capacity	Value	VND Amount within payment capacity
a. Payable to related parties				
- PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,803,864,193,142	1,803,864,193,142	2,153,018,063,190	2,153,018,063,190
- PetroVietnam Power Services Joint Stock Company	-	-	6,606,186,471	6,606,186,471
	<u>1,803,864,193,142</u>	<u>1,803,864,193,142</u>	<u>2,159,624,249,661</u>	<u>2,159,624,249,661</u>
b. Payables to third party suppliers				
- Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	-	90,148,277,384	90,148,277,384
- Other entities	5,887,995,923	5,887,995,923	3,083,403,312	3,083,403,312
	<u>5,887,995,923</u>	<u>5,887,995,923</u>	<u>93,231,680,696</u>	<u>93,231,680,696</u>
Total	<u>1,809,752,189,065</u>	<u>1,809,752,189,065</u>	<u>2,252,855,930,357</u>	<u>2,252,855,930,357</u>

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements***15. TAXES AND OTHER PAYABLES TO THE STATE**

	Account payable	Arising during the period		Account payable
	as at 01/01/2025	Amount paid	Actually paid amount	as at 31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	5,408,567,918	5,408,567,918	-
Import tax	-	952,144,583	952,144,583	-
Corporate income tax	14,862,579,743	6,609,816,202	14,862,579,743	6,609,816,202
Personal income tax	537,170,938	6,850,856,601	6,418,589,973	969,437,566
Natural resource tax	3,678,461,520	9,179,589,120	9,185,925,840	3,672,124,800
Other taxes and fees	4,365,205,942	9,247,853,146	8,443,535,288	5,169,523,800
Total	23,443,418,143	38,248,827,570	45,271,343,345	16,420,902,368

16. CURRENT ACCRUED EXPENSES

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Gas fuel costs (i)	40,134,707,385	1,116,609,913,314
Plant maintenance costs (ii)	53,533,904,533	32,939,774,371
Interest expense	3,455,978,958	2,828,385,151
Other accruals	1,820,388,816	1,293,319,190
Total	98,944,979,692	1,153,671,392,026

Current accrued expenses at the end of the accounting period mainly include the following expenses:

- Gas fuel costs for operating Nhon Trach 2 Power Plant that have not been invoiced at the end of the accounting period and are recorded according to the Gas Prepayment Notice from the Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation- PetroVietnam Gas South East Transmission Company.
- Plant maintenance and repair costs are made according to the Long-term Maintenance and Repair Contract for the main equipment of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant, phase 100,000 EOH for each generating set between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and the consortium of Siemens Energy Global GmbH & Co.KG/ Siemens Energy Limited Company signed on July 28, 2023.

17. OTHER CURRENT PAYABLES*The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.*

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025****NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Late payment interest payable	39,278,284,374	39,278,284,374
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation		
PetroVietNam CaMau Power Company	-	-
Dividends payable	9,303,977,344	9,014,824,084
Other payables	1,511,502,744	736,823,891
Total	50,093,764,462	49,029,932,349

(*) Interest on late payment of gas to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PVGAS) as per the terms of the Contract of gas purchase and sale No. 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 dated April 06, 2010 between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and PVGAS arising up to December 31, 2012.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

FORM B 09a-DN

18. SHORT-TERM BORROWINGS

	Balance as at 01/01/2025		Arising during the period		Balance as at 31/03/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Value	Amount within payment capacity	Increase	Decrease	Value	Amount within payment capacity
Short-term borrowings						
- Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	996,392,854,961	996,392,854,961	1,404,146,403,659	996,392,854,961	1,404,146,403,659	1,404,146,403,659
	996,392,854,961	996,392,854,961	1,404,146,403,659	996,392,854,961	1,404,146,403,659	1,404,146,403,659
	<u>996,392,854,961</u>	<u>996,392,854,961</u>	<u>1,404,146,403,659</u>	<u>996,392,854,961</u>	<u>1,404,146,403,659</u>	<u>1,404,146,403,659</u>

On March 15, 2024, the Company signed a short-term unsecured loan contract No. 006/VCB.TT.KHDN/24NH with the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam with a total loan limit of VND 2,000,000,000,000 for electricity production and business activities. Time limit of granting credit limit is calculated from the date of signing the loan contract to the end of March 15, 2025. Loan interest rate is determined at the time of loan disbursement according to the Bank's loan interest rate announcement for each period and is recorded on each Debt Receipt. Interest is paid periodically every month and the final full repayment date is no later than the loan end date.

On March 25, 2025, the Company signed a short-term unsecured loan contract No. 010/TTH.KHDN/25NH with the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam with a total loan limit of VND 2,000,000,000,000 (including the Company's debts with the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam under the short-term unsecured loan contract No. 006/VCB.TT.KHDN/24NH signed on March 15, 2024 as at the date of signing this contract) for electricity production and business activities. Time limit of granting credit limit is calculated from the date of signing the loan contract to the end of March 25, 2026. Loan interest rate is determined at the time of loan disbursement according to the Bank's loan interest rate announcement for each period and is recorded on each Debt Receipt. Interest is paid periodically every month and the final full repayment date is no later than the loan end date.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.



PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANYHamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam**Financial statements for the first quarter 2025****NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)****FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements***19. OWNER'S EQUITY**

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Number of stock sold to the public		
+ Common stock	287,876,029	287,876,029
- Number of stocks outstanding		
+ Common stock	<u>287,876,029</u>	<u>287,876,029</u>

The Company has issued only one class of ordinary shares without enjoying a fixed dividend with a par value of VND 10,000 per share. Ordinary share holder is entitled to receive dividend when declared and has the right to vote on the basis of one vote per share owned at the Company's shareholders' meetings. All shares have equal rights to inherit the net assets of the Company.

Details of shareholders at the end of the accounting period are as follows:

	<u>31/03/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	VND	%	VND	%
PetroVietnam Power Corporation	1,709,260,800,000	59.37%	1,709,260,800,000	59.37%
Company For Technology Development Ltd	237,961,150,000	8.27%	237,961,150,000	8.27%
Other shareholders	931,538,340,000	32.36%	931,538,340,000	32.36%
	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>100%</u>	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>100%</u>

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District
Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

Financial statements for the first quarter 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

Changes in owners' equity during the period are as follows:

	Capital contributed	Share premium	Development investment fund	Undistributed profit after tax	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Balance as at 01/01/2024	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	1,231,480,796,169	4,335,849,370,331
Profit during the year	-	-	-	82,893,960,390	82,893,960,390
Dividend payment from profits in 2023	-	-	-	(201,513,220,300)	(201,513,220,300)
Distribution from profits in 2023	-	-	-	(28,150,000,000)	(28,150,000,000)
Balance as at 31/12/2024	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	1,084,711,536,259	4,189,080,110,421
Profit during the year	-	-	-	36,964,143,180	36,964,143,180
Dividend payment from profits in 2023	-	-	-	(230,300,823,200)	(230,300,823,200)
Balance as at 31/03/2025	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	891,374,856,238	3,995,743,430,400

Based on the Resolution No. 07/NQ-CPNT2 dated May 29, 2024, the Company's Annual General Meeting of Shareholders approved the plan to distribute profit after tax in 2023. Accordingly, dividends will be distributed from the profit after tax in 2023 at a rate of 15%/par value per share and equivalent to VND 431,814,043,500, set aside the Bonus, Welfare and Manager Bonus Fund with the amount of VND 28,150,000,000. According to the Resolution No. 01/NQ-CPNT2 dated January 8, 2025, the Board of Directors approved the payment of the remaining dividend in 2023 in cash from the undistributed profit after tax in 2023 at the rate of 8%/par value, equivalent to VND 800/01 share to the Company's existing shareholders. As at the date of this statement, the Company has paid dividends in accordance with the above Resolution.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements***20. SEGMENT BY BUSINESS SECTOR AND SEGMENT BY GEOGRAPHIC AREA**

The Company's main business activities are the domestic production and sale of electricity. The Company's other business activities account for a very small proportion of the Company's total revenue and operating results in the period as well as previous accounting years/periods. Accordingly, the financial information presented on the balance sheet for the accounting period ending on March 31, 2025 and December 31, 2024 as well as all revenue and expenses presented on the income statement for the accounting period ending on the same day and previous accounting years/periods are related to the main business activities. Thus, the Company does not present segment reports by business sector and geographical area.

21. NET SALES REVENUE

Electricity sales revenue during the period is recorded monthly based on the electricity output generated and fed into the national grid with monthly confirmation from the Electricity Power Trading Company ("EPTC") at the electricity selling price specified in the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012, the Ancillary Service Contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN dated September 10, 2023 and other appendices/contracts amending and supplementing of the Power Purchase Agreement between the Company and Vietnam Electricity ("EVN")/ Electricity Power Trading Company ("EPTC").

22. PRODUCTION AND BUSINESS COSTS BY FACTOR

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Materials cost	1,081,810,993,459	266,117,570,782
Labor cost	21,645,819,049	10,999,652,480
Fixed asset depreciation cost	171,774,890,858	171,727,446,867
Outside purchasing services cost	108,577,872,655	46,334,809,082
Other costs	16,946,642,729	6,848,623,383
Total	1,400,756,218,750	502,028,102,594

23. FINANCIAL INCOME

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Deposit interest	31,190,854,188	17,774,932,903
Gain from exchange rate difference	151,035,427	1,593,291,775
Total	31,341,889,615	19,368,224,678

24. FINANCIAL EXPENSES*The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.*

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Interest expense	12,383,899,506	5,127,684,624
Loss from exchange rate difference	1,284,548,606	2,762,347,575
Total	13,668,448,112	7,890,032,199

25. GENERAL & ADMINISTRATION EXPENSES

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Management staff salary	6,479,519,565	3,565,099,006
Social insurance, health insurance, unemployment insurance, Union fund	1,072,193,400	992,141,900
Office material cost	492,424,197	540,879,712
Cost of tools and supplies	30,258,910	43,242,454
Depreciation cost of managed fixed assets	1,633,988,680	1,688,820,342
Taxes and fees	61,687,536	62,858,350
Managed regular repair cost	85,218,270	87,132,920
Outside purchasing services cost	5,139,297,460	5,253,485,501
Other management costs	3,692,092,997	2,497,166,596
Total	18,686,681,015	14,730,826,781

26. OTHER INCOME

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Income from recognition of increase in value of ISP spare parts	-	70,294,128,000
Other income	367,122,194	325,241,115
Total	367,122,194	70,619,369,115

27. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% on taxable income from electricity production and business (main activity) for 15 years from the first year of revenue generation and 20% for the following years.

The Company is exempt from tax for 4 years from the first year of taxable income generation from electricity production and business and is entitled to a 50% reduction in tax payable for the next 9 years.

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% on income from other activities according to the Circular No. 78/2014/TT-BTC dated June 18, 2014 issued by the Ministry of Finance.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

Current income tax expense for the period is calculated as follows:

	From 01/01/2025 to 31/03/2025			From 01/01/2024 to 31/03/2024
	Main activity	Other activities	Total	Total
	VND	VND	VND	VND
Profit before tax	24.829.037.297	18.744.922.085	43.573.959.382	(158.158.882.688)
Plus: Non-deductible expenses	3.569.292.581	104.993.984	3.674.286.565	338.793.416
Assessable income for the current period	28.398.329.878	18.849.916.069	47.248.245.947	(157.820.089.272)
Tax rate	10%	20%		
Corporate income tax expense calculated on taxable income for the current period	2.839.832.988	3.769.983.214	6.609.816.202	-
Current corporate income tax expense	2.839.832.988	3.769.983.214	6.609.816.202	-

28. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of basic earnings per share attributable to the Company's ordinary shareholders is based on the figures below:

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Profit after tax	36,964,143,180	(158,158,882,688)
Setting aside bonus, welfare, executive bonus fund	7,037,500,000	-
Profit for calculating basic earnings per share	29,926,643,180	(158,158,882,688)
Weighted average number of ordinary shares for calculating basic earnings per share	287,876,029	287,876,029
Basic earnings per share	104	(549)

29. COMMITMENTS**Sales commitment**

The Company has signed with the Electricity Power Trading Company (EPTC) by the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 06, 2012 and related Contracts amending and supplementing. Accordingly, all electricity output produced under the maneuver order of the Electricity Regulatory Authority will be exclusively purchased by the Electricity Power Trading Company (EPTC) for a period of 25 years from the date the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant officially went into commercial operation on October 16, 2011. The electricity selling price is agreed according to the terms of the Power Purchase Agreement and the attached appendices to the Power Purchase Agreement.

Purchase commitment

The Company has signed with Petrovietnam Gas Joint Stock Corporation (PVGAS) by the Contract for gas purchase and sale No. 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 dated April 06, 2010. Accordingly, the gas selling price is agreed according to the terms of the Contract for gas purchase and sale and the attached contract appendices and the Company is responsible for purchasing and paying for a minimum amount of gas per year during the duration of the contract until the end of this contract for gas purchase and sale on December 31, 2036.

30. CONTINGENT ASSETS AND LIABILITIES*The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.*

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09a-DN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

Pursuant to the Resolution No. 1944/NQ-DKVN dated April 02, 2018 of the Vietnam Oil and Gas Group ("PVN") on ceasing the application of the Resolution No. 1827/NQ-DKVN dated March 19, 2013 of the Vietnam Oil and Gas Group on approving the accounting plan for revenue/expenses related to late payment of electricity/gas bills. Accordingly, the Company will have to record the late payment interest income arising from the Electricity Power Trading Company ("EPTC") and record the payable amount to PV GAS based on the late/overdue payment date in accordance with the provisions of the principle contract and additional appendices signed between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and PV GAS (the contract for gas purchase and sale) and between PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company and Electricity Power Trading Company (Power Purchase Agreement). The Company has worked with the Electricity Power Trading Company ("EPTC"), PV GAS on the implementation of the electricity/gas purchase and sale contracts and is discussing with the Vietnam Oil and Gas Group and the parent company - Petrovietnam Power Corporation on the specific method, the validity of the Resolution No. 1944/NQ-DKVN whether it is applied to late payment interest with balance arising from previous years/periods or not to serve as a basis for accurate and complete accounting of penalty interest/expenses, receivables/payables related to late payment of electricity/gas bills that will arise in the future.

Regarding the inspection of tax law compliance at PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company according to the Decision No. 1632/QD-TCT dated November 08, 2019 of the General Department of Taxation for the financial year ending on December 31, 2018. Regarding some problems due to the characteristics of the industry related to the time of declaring value added tax on revenue from electricity sales and corresponding costs from the purchase of gas for electricity production, the Company is continuing to explain and make recommendations to the Inspection Team – the General Department of Taxation and relevant authorities to have a final conclusion on the inspection of tax law compliance at PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company. At the date of issuance of these financial statements, the Company has not yet received a final conclusion on the inspection of tax law compliance at PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company related to the time of declaring value added tax on revenue from electricity sales and the corresponding costs from the purchase of gas for electricity production from the General Department of Taxation and relevant agencies, so the Company has no firm ground to record any adjustments in the financial statements for the accounting period ending on March 31, 2025.

On August 18, 2022, the Company signed the Amending and supplementing agreement No. 16 ("Supplementing Agreement Appendix No. 16") of the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated July 6, 2012 on adjusting the electricity selling price according to the Nhon Trach 2 Power Plant settlement investment capital with the Electricity Power Trading Company ("EPTC"), including the provisions related to adjusting the foreign exchange rate (original exchange rate) in the electricity plan in the Power Purchase Agreement 07 above. Accordingly, the additional revenue related to the remaining exchange rate difference of 2019 and the exchange rate difference for the period from 2020 to 2021 with an amount of about 177 billion VND according to the provisions of the Circular 07/2024/TT-BCT dated April 12, 2024 (replacing the Circular No. 57/2020/TT-BCT dated December 31, 2020) of the Ministry of Industry and Trade regulating the method of determining electricity generation prices, power purchase agreements and according to the Supplementing Agreement Appendix No. 16 will be recorded in the future financial statements when there is an agreement between the Company and Vietnam Electricity/ Electricity Power Trading Company in implementing the Power purchase agreement according to the current regulations.

On November 09, 2021, the People's Committee of Nhon Trach District issued the Decision No. 4267/QD-UBND on the reclamation of 116,482 m² of land from PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company to implement the Nhon Trach 3 Power Plant and Nhon Trach 4 Power Plant projects in Ong Keo Industrial Park, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province, invested by PetroVietnam Power Corporation. Accordingly, PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company is continuing to work with relevant parties and authorities to perform financial obligations related to the recovered land area.

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

As at March 31, 2025, the Board of Directors assesses that the Company has an obligation to clear, restore and return the premises at the end of the lease term or the project end date of the power plant. Currently, the Company has not estimated the value of this restoration obligation because it has not yet collected sufficient reliable information on the costs that may arise as well as assessed the possible impacts related to the calculation of electricity price. Accordingly, the Company is working with relevant authorities to obtain more instructions for sufficient necessary information needed for estimation.

As at March 31, 2025, under the Long-term Maintenance and Repair Contract for the main equipment of the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant, the Company has held under trust some spare parts owned by the contractor Siemens Energy Global GmbH to serve the maintenance needs of the plant. These supplies will be finally settled after the end of the long-term repair contract signed with the Company.

31. TRANSACTIONS AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

During the period, the Company had transactions with the following related parties:

	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
	VND	VND
Service purchase		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,116,609,913,314	1,422,597,542,345
Petrovietnam Power Services Joint Stock Company	-	20,505,979,847
Vietnam Oil and Gas Group	-	5,136,016,199
PVI Holdings	9,695,423,467	9,704,748,129
Financial income		
Deposit interest from Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	497	7,951
Dividend payment		
PetroVietnam Power Corporation	136,740,864,000	119,648,256,000

The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 3, Phuoc Khanh Commune, Nhon Trach District

Financial statements for the first quarter 2025

Dong Nai Province, the Socialist Republic of Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)**FORM B 09a-DN***These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements*

Balances with related parties at the end of the reporting period were as follows:

	<u>31/03/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Other receivables		
PetroVietNam CaMau Power Company	9,647,400	-
Accounts payable to suppliers		
Petro Vietnam Gas Joint Stock Corporation	1,803,864,193,142	2,153,018,063,190
Petro Vietnam Power Services Joint Stock Company	-	6,606,186,471
Accrued expenses		
Petro Vietnam Gas Joint Stock Corporation	40,134,707,385	1,116,609,913,314
Petro Vietnam Power Services Joint Stock Company	5,465,836,073	780,833,725
Other payables		
Petro Vietnam Gas Joint Stock Corporation	39,278,284,374	39,278,284,374

Le Van Tu
Preparer

Le Viet An
Chief accountant

Ngo Duc Nhan
Director
April , 2025
The notes on pages 7 to 25 are an integral part of these financial statements.

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH
TRANSLATION CONFIRMATION

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT CHUYÊN NGHIỆP SỐ 1
NO.1 TRANSLATION JOINT STOCK COMPANY

Căn cứ theo yêu cầu của Khách hàng,

Upon the request of the Customer,

NAY CHỨNG NHẬN:

DOES HEREBY CONFIRM:

Tài liệu trên được dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh bởi Ông (Bà) **Cao Thị Ngọc Diệp**, CCCD số 001300001867 do Công An Hà Nội cấp ngày 25/04/2021, cán bộ dịch thuật của Công Ty Cổ Phần Dịch Thuật Chuyên Nghiệp Số 1. Người dịch cam kết tài liệu đính kèm đã được dịch thuật chính xác và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về bản dịch.

The above document has been translated from Vietnamese to English by Mr (Mrs.) Cao Thi Ngoc Diep, ID Card No 001300001867 Issued by Public Security of Ha Noi on 25/04/2021, staff member of No.1 Translation Joint Stock Company. The above-mentioned translator guarantees that the mentioned document has been accurately translated and commit to be fully responsible for the translation.

Tôi, **Lưu Bảo Trang** - Trưởng Đại Diện Văn Phòng Nguyễn Trãi tại TP.HCM, được Ban Giám Đốc ủy quyền ký tên, đóng dấu đối với nội dung bản dịch này.

I, Luu Bao Trang - Head of Ho Chi Minh City Representative Office Nguyen Trai, have been authorized by the Board of Management to sign and seal below on behalf of the Company for the content of the attached document.

Số chứng nhận/ Confirmation No: 323750/DTS1-CCCT

Ngày chứng nhận/ Date: 21/04/2025

THAY MẶT TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG NGUYỄN TRÃI TẠI TP.HCM
O/B CEO
HEAD OF HO CHI MINH CITY REPRESENTATIVE OFFICE NGUYEN TRAI

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

Lưu Bảo Trang

